TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 436/2024/HSPT
Ngày: 10/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

*Các Thẩm phán:*Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 424/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024, do có kháng cáo của người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 627/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1988; Giới tính: Nữ; ĐKNKTT: Khối N, phường Q, thị xã H, Nghệ An; Nơi ở: đường L, phường L, quận H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị L; Chồng là Nguyễn Ngọc S (ly hôn); Có 04 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Ngày 17/09/2017 bị Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An phạt 13 năm tù tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Hiện đang thi hành bản án của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:* Luật sư Đỗ Thị Thanh H1, Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt, nhưng bị cáo từ chối Luật sư và tự bào chữa.

**** Người bị hại có kháng cáo:***

1. Bà Đào Thúy Q1, sinh năm 1964; Trú tại: đường N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội; Nơi ở: phố B, phường B, quận L, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đào Thúy Q1: Bà Nghiêm Thị H2; Địa chỉ: đường G, phường C, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đào Thúy Q1: Luật sư Nguyễn Huy H3, Văn phòng Luật sư V- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1983; Nơi ở: xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1960; Nơi ở: phố B, phường B, quận L, thành phố Hà Nội, có mặt.

Ngoài ra còn có một số người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị Diệu H (sinh năm 1988; trú tại khối N, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) là đối tượng không nghề nghiệp, đã có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian được hoãn thi hành án phạt tù, H từ tỉnh Nghệ An ra thuê nhà ở tại khu đô thị X, phường K, quận H, thành phố Hà Nội để sinh sống và tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện hành vi phạm tội, H tự giới thiệu với mọi người là cán bộ làm việc ở Bộ Tài chính, có quan hệ quen biết nhiều người nên có thể xin được dự án cho Công ty; mua nhà giá rẻ cho mọi người; đổi tiền cũ lấy tiền mới không mất phí; mua điện thoại di động giá rẻ hơn thị trường… để mọi người tin tưởng giao tiền cho H. Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 01/2021, H đã thực hiện 05 vụ lừa đảo để chiếm đoạt số tiền 14.447.300.000 đồng của các bị hại. Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 05/2018, anh Cao Đăng H4 (sinh năm 1978; trú tại khu đô thị B, phường H, quận H, Hà Nội) là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (Công ty Đ, có trụ sở chính tại đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 20/4/2010), biết Chính phủ có quyết định hỗ trợ đồng bằng sông Cửu Long nguồn vốn dự phòng 2.500.000.000.000 đồng cho những dự án sạt lở vào mùa mưa lũ. Thời điểm này, Ban lãnh đạo Công ty Đ có chủ trương xin đấu thầu thực hiện dự án kè, chống sạt lở sông C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên đã phổ biến cho cán bộ trong Công ty biết. Cùng trong thời gian trên, anh Đặng Văn H5 (sinh năm 1986; trú tại tòa nhà A khu đô thị hai bên đường L, xã A, huyện H, Hà Nội), là cán bộ Công ty Đ đang ở cùng khu nhà do H thuê (lúc này H đang thuê trọ tại toà nhà với anh H5), nói chuyện với Nguyễn Thị Diệu H về việc Công ty Đ đang muốn xin dự án chống sạt lở sông C. H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty Đ nên tự giới thiệu với anh H5, mình là Nguyễn Thị Lan H, hiện là Trưởng phòng ngân sách - Vụ Quản lý ngân sách Nhà nước - Bộ Tài chính, có thể làm dịch vụ xin cấp nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho dự án kè, chống sạt lở sông C. Tiếp nhận thông tin từ H, anh H5 đã báo cáo lãnh đạo Công ty.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ anh H5, anh Cao Đăng H4 và anh Đinh Quang H7 (sinh năm 1985; là cán bộ phòng kế hoạch, đấu thầu của Công ty Đ) đã cùng anh H5 hẹn gặp H tại quán C3 ở phố L, phường H, quận H, Hà Nội. Khi gặp nhau, Diệu

H tiếp tục giới thiệu cho cả ba người biết mình là Nguyễn Thị Lan H, hiện đang giữ chức vụ Trưởng phòng ngân sách - Bộ Tài chính có khả năng xin được quyết định của Bộ Tài chính về việc phân bổ nguồn vốn cho tỉnh An Giang với điều kiện phải chi phí là 03%/tổng số tiền giải ngân. Anh H4 tin là thật nên đã đồng ý nhờ H giúp đỡ nhưng có yêu cầu muốn xem giấy tờ chứng minh H là Trưởng phòng ngân sách - Bộ Tài chính. Sau buổi gặp, H đã thuê đối tượng Đinh Đức H8 (chưa rõ lai lịch) làm giả Quyết định số 58/BTC-ĐT ngày 29/5/2018 của Bộ Tài chính về việc bổ nhiệm Nguyễn Thị Lan H giữ chức Trưởng phòng ngân sách - Bộ Tài chính, rồi chụp ảnh và gửi bằng điện thoại di động qua ứng dụng Zalo cho anh H5, để anh H5 chuyển cho anh H4 xem.

Ngày 26/9/2018, H thông báo với anh H7 và anh H5 là Bộ Tài chính đang xem xét, cấp 85.000.000.000 đồng cho tỉnh An Giang trong năm 2018, sẽ giải ngân luôn 40.000.000.000 đồng để xử lý những điểm sạt lở khẩn cấp và hẹn sang tuần là có quyết định; đồng thời H yêu cầu Công ty Đ muốn xin dự án thì phải chuyển trước cho H 100.000.000 đồng tiền dịch vụ. Do muốn nhanh chóng xin được nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện dự án nên anh H4 đã chỉ đạo kế toán Công ty chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 11610000188xxx của H mở tại Ngân hàng B – Chi nhánh Đ. Sau đó, H thuê Đinh Đức H8 làm giả Công văn số 8429/BTC-ĐT của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ tỉnh An Giang 85.000.000.000 đồng từ nguồn vốn dự phòng cấp bách của năm 2018 để thực hiện dự án xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển. Đến ngày 02/10/2018, H thông báo với anh H7 là Bộ Tài chính đã ký quyết định cấp vốn cho dự án ở tỉnh An Giang và đề nghị Công ty Đ chuyển tiếp 1.000.000.000 đồng chi phí dịch vụ cho H. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2018, anh H4 cùng anh H5 và anh H7 đến gặp H tại quán cà phê ở tầng trệt của khách sạn H phố L, phường P, quận H, Hà Nội. Tại đây, H cho anh H4, anh H7 và anh H5 xem ảnh Công văn số 8429/BTC-ĐT, không có ngày của Bộ Tài chính có chữ ký, đóng dấu của ông Trần Xuân H9 - Thứ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời gửi bản ảnh chụp qua ứng dụng tin nhắn Zalo vào máy điện thoại của anh H7. Do tin tưởng công văn của H cho xem là thật nên anh H4 bảo anh H7 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng cho H. Đến ngày 11/10/2018, anh H4 kiểm tra lại công văn do H gửi thì phát hiện trong văn bản có nhiều lỗi, như: Văn bản không đề ngày, không có chữ ký nháy của chuyên viên Bộ Tài chính... nên đã kiểm tra lại các thông tin do H cung cấp thì phát hiện H không phải là Trưởng phòng Quản lý vốn ngân sách - Vụ quản lý ngân sách Nhà nước của Bộ Tài chính, công văn phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước là giả mạo. Anh H4 đã yêu cầu H hủy bỏ dịch vụ tư vấn với Công ty Đ và yêu cầu H hoàn trả lại toàn bộ số tiền 1.100.000.000 đồng. Đến ngày 24/10/2018, H đã trả lại cho ông H4 100.000.000 đồng và viết giấy xác nhận vay của anh H7, anh H5 số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, anh H4 nhiều lần yêu cầu nhưng H không trả. Ngày 28/10/2018, anh H4 có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

* Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, anh Cao Đăng H4 và anh Đặng Văn H5 đã giao nộp Cơ quan điều tra số tài liệu liên quan, gồm:

- 01 bản in Quyết định số 8429/BTC-ĐT về việc phân bổ vốn từ ngân sách dự phòng năm 2018 và 01 giấy nhận vay tiền.

- 15 trang tài liệu thể hiện các đoạn hội thoại nhắn tin giữa anh H4 và H về việc trao đổi xin Quyết định phân bổ vốn.

- 86 trang tài liệu thể hiện các đoạn hội thoại nhắn tin giữa anh H5 và H về việc "H trao đổi với H5 về việc H xin Quyết định phân bổ vốn, chi phí H được hưởng 3%/số tiền giải ngân".

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh tại Bộ Tài chính, kết quả:

Tại Công văn số 48/BTC-VP ngày 03/01/2019 của Bộ Tài chính biết: Bộ Tài chính không ban hành Công văn số 8429/BTC-ĐT tháng 10 năm 2018; Qua rà soát danh sách công chức, viên chức là người lao động tại Cơ quan Bộ Tài chính không có ai tên là Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1986 (ĐKHKTT; xã N, huyện N, Nghệ An; chỗ ở Căn hộ B, tòa nhà H, lô A, khu đô thị L, xã A, huyện H, Hà Nội)

Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Thị Diệu H khai thuê đối tượng Đinh Đức H8 ở phường Y, quận C, Hà Nội làm giả file ảnh "Quyết định số 58/BTC-ĐT ngày 29/05/2018 và Quyết định số 8429/BTC-ĐT đề tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính". Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân của Đinh Đức H8 nên đã tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng H8 để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

*Trách nhiệm dân sự: Ngày 18/01/2019, Nguyễn Thị Diệu H đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trao trả số tiền trên cho anh Cao Đăng H4. Anh H4 đã thay mặt Công ty Đ nhận lại tiền, không yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị xử lý Hương theo quy định của pháp luật.

2. Vụ thứ hai: Năm 2018, qua các quan hệ xã hội nên bà Nguyễn Thị Minh P (sinh năm 1972; trú tại đường N, phường G, quận L, Hà Nội) quen biết Nguyễn Thị Diệu H và H giới thiệu là Trưởng phòng Ngân sách - Bộ Tài chính. Quá trình quen biết, H nhiều lần vay của bà P với tổng số tiền là 2.555.000.000 đồng. Khoảng đầu năm 2019, do cần tiền mua nhà nên bà P đòi H số tiền trên, H nói đang dồn tiền mua căn hộ chung cư G ở phố B, tổ A, phường B, quận L, Hà Nội; nếu bà P muốn mua căn hộ chung cư này thì H sẽ để cho bà P đứng tên căn hộ tại dự án đó, tiền H vay bà P sẽ đối trừ vào tiền mua nhà. Ngày 22/01/2019, bà P rủ bà Đào Thúy Q1 (sinh năm 1964; trú tại đường N, phường G, quận L, Hà Nội; là hàng xóm của bà P) đi xem căn hộ chung cư G. Sau khi xem xong, bà Q1 và bà P muốn mua căn hộ ở đây nên bà P gọi điện thoại cho H nhờ mua căn hộ. H đồng ý và hẹn gặp bà P tại quán cà phê ở phố L, phường B, L, Hà Nội để trao đổi việc mua căn hộ. Tại đây, H giới thiệu với bà Q1 và bà P là H đang làm việc ở Bộ Tài chính, có quan hệ với chủ đầu tư dự án chung cư G là Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại C (Công ty C) nên sẽ mua được căn hộ giá rẻ hơn giá thị trường. Nghe H giới thiệu, bà Q1 tin tưởng nên đã nhờ H mua giúp 01 căn hộ thì H đồng ý và hứa sẽ mua giúp 01 căn hộ

có diện tích 120m^2 với giá ưu đãi của chủ đầu tư là 30.000.000 đồng/m^2. Buổi tối 22/01/2019, H điện thoại cho bà Q1 yêu cầu nộp số tiền 1.850.000.000 đồng để đặt cọc mua căn hộ chung cư thì bà Q1 đồng ý. Ngày 23/01/2019, bà Q1 chuyển số tiền 1.800.000.000 đồng vào tài khoản số 11610000188xxx của H mở tại Ngân hàng B – Chi nhánh Đ và đưa 50.000.000 đồng cho bà P nhờ chuyển cho H. Ngày 15/02/2019, H đến nhà bà Q1 tiếp tục yêu cầu chuyển khoản 2.000.000.000 đồng (gồm 1.750.000.000 đồng tiền mua căn hộ và 250.000.000 đồng tiền bảo trì căn hộ) và đưa thông tin cá nhân của vợ chồng bà Q1 để H làm hợp đồng mua căn hộ; đồng thời H hứa hẹn tặng bà Q1 gói nội thất hoàn thiện căn hộ trị giá 1.000.000.000 đồng và miễn phí 03 năm các khoản phí dịch vụ căn hộ (theo H nói, đây là các gói dịch vụ chủ đầu tư tặng riêng cho H, H không sử dụng nên tặng bà Q1). Do chưa có đủ tiền nên bà Q1 hẹn H mấy ngày sau sẽ chuyển tiền cho H. Ngày 16/02/2019, bà Q1 nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho H hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đăng ký kết hôn của bà Q1 và ông Phạm Văn C (sinh năm 1958; là chồng bà Q1). Để bà Q1 tin tưởng là tiền bà Q1 chuyển cho H đã được H nộp cho chủ đầu tư để mua căn hộ G nên ngày 18/02/2019, H gửi cho bà Q1 ảnh chụp 02 phiếu thu (trong đó có 01 phiếu thu đề ngày 23/01/2019, nội dung: Bà Đào Thúy Q1 và Phạm Văn C nộp 1.200.000.000 đồng để mua căn hộ 905A (122m^2) có chữ ký và đóng dấu của ông Trần Xuân T - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng C và 01 phiếu thu đề ngày 28/01/2019, nội dung: Bà Nguyễn Minh P nộp 905.000.000 đồng phí bảo trì 05% tiền mua 05 căn hộ gồm các căn hộ 905, 902, 906, 907A và 1005A có chữ ký và đóng dấu của ông Trần Xuân T - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng C. Sau khi nhận được ảnh 02 phiếu thu do H gửi, bà Q1 tin tưởng việc H mua nhà cho mình là có thật nên các ngày 19, 20/02/2019, bà Q1 chuyển tiếp cho H 02 lần với số tiền lần lượt là 1.100.000.000 đồng và 900.000.000 đồng vào tài khoản số 11610000188xxx của H mở tại Ngân hàng B. Sau khi nhận đủ tiền, H hứa hẹn đến tháng 06/2019 khi chủ đầu tư mở bán căn hộ sẽ hoàn thành thủ tục giấy tờ mua bán căn hộ cho vợ chồng bà Q1. Do bà Q1 muốn H giao hợp đồng mua bán căn hộ cho mình nên ngày 18/3/2019, H đã nhắn tin hình ảnh cho bà P, nhờ nhắn tin lại cho bà Q1 01 phiếu thu đề tháng 03/2019 với nội dung: Bà Đào Thúy Q1 nộp 4.800.000.000 đồng mua căn hộ 905A có chữ ký và đóng dấu của ông Nguyễn Xuân T, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng C và 01 biên bản bàn giao căn hộ số 905A chung cư cao cấp G, quận L, Hà Nội không đề ngày, nội dung Công ty cổ phần xây dựng C bán, bàn giao căn hộ trên cho bà Đào Thúy Q1, có chữ ký của ông Nguyễn Xuân T. Nhận được tin nhắn kèm hình ảnh phiếu thu và biên bản bàn giao căn hộ trên, bà Q1 hỏi về số tiền ghi trong phiếu thu là 4.800.000.000 đồng cao hơn số tiền bà Q1 nộp; Tổng giám đốc Công ty cổ phần xây dựng C lại có cả tên là Trần Xuân T và Nguyễn Xuân T thì H trả lời chủ đầu tư là 02 Công ty và 02 người cùng có tên là T, lý do chủ đầu tư viết số tiền cao hơn số tiền bà Q1 mua căn hộ để phù hợp với giá thị trường chủ đầu tư bán ra. Sau khi nhận 3.850.000.000 đồng, H không nộp tiền cho chủ đầu tư để mua căn hộ G cho bà Q1 như cam kết mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

*Vật chứng thu giữ:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Đào Thúy Q1 01 tập tài liệu tin nhắn trao đổi giữa bà Đào Thúy Q1 và Nguyễn Thị Diệu H về việc mua căn hộ chung cư; 01 tập tài liệu tin nhắn trao đổi giữa bà Đào Thúy Q1 và chị Nguyễn Thị Minh P về việc mua căn hộ chung cư; 01 tập tài liệu tin nhắn giữa ông Phạm Văn C và Nguyễn Thị Diệu H; 01 tập tài liệu tin nhắn giữa ông Phạm Văn C và Nguyễn Thị Minh P (Tất cả những tài liệu trên hiện lưu trong hồ sơ vụ án).

Tại biên bản xác minh ngày 19/9/2019 tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại C của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, ông Nguyễn Xuân T là Giám đốc Công ty cho biết: Biên bản bàn giao căn hộ số 905A chung cư cao cấp HC Golden city 319 Bồ Đề giữa bà Q1 với Công ty cổ phần Đ là giả mạo. Các phiếu thu ghi ngày 23/01/2019, ngày 28/01/2019, phiếu thu tháng 3/2019 ông T khẳng định các phiếu thu này không phải do Công ty thu tiền và ghi phiếu.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 14/09/2020, bà Đào Thúy Q1 xuất trình 01 USB bên trong có các file video trích xuất từ camera an ninh của nhà bà Q1 và file ghi âm viber ghi lại nội dung chị Nguyễn Thị Minh P nhận trách nhiệm trong việc Nguyễn Thị Diệu H chiếm đoạt tiền của bà Q1, nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra bổ sung, làm rõ trách nhiệm hình sự của chị Nguyễn Thị Minh P.

Quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định 01 file (tệp tin) âm thanh và 21 file video lưu trữ trong USB do bà Q1 cung cấp. Tại bản Kết luận giám định số 8897/KLGĐ ngày 13/05/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

"... Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong 01 tệp âm thanh và 21 tệp video cần giám định.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là "em" và được gọi là "em", "H" trong các tệp tin cần giám định (ký hiệu là "H" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị Diệu H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là "chị" và được gọi là "chị", "chị Q1" trong các tệp tin cần giám định (ký hiệu là "Q1" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Đào Thúy Q1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông tự xưng là "anh" và được gọi là "anh", "anh C" trong các tệp tin cần giám định (ký hiệu là "C" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Phạm Văn C trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là "em" và được gọi là "em", "P" trong các tệp tin cần giám định (ký hiệu là "P" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị Minh P trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch ra trong tệp văn bản "Bản dịch 8897.docx" được lưu trong đĩa CD-R..." nhãn hiệu Maxell lưu tập tin văn bản "Bản dịch 8897.docx" (gồm 259 trang văn bản) trên mặt đĩa có chữ ký đề tên của Giám định viên..".

Căn cứ kết quả giám định và các tài liệu thu thập trong quá trình điều tra, xác định nội dung cuộc nói chuyện giữa bà Nguyễn Minh P với vợ chồng bà Đào Thúy Q1 trong 01 tệp âm thanh và 21 tệp video do bà Q1 cung cấp đều diễn ra sau khi Nguyễn Thị Diệu H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Q1. Kết quả điều tra xác định bà P không đồng phạm với H.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 27/6/2023, bà Đào Thúy Q1 tiếp tục xuất trình 03 giấy nộp tiền, bằng tổng số tiền là 570.000.000 đồng và khai rằng tiền này bà P đã rủ bà Q1 chung tiền, rồi chuyển cho Nguyễn Thị Diệu H để mua căn hộ chung cư, mục đích bán lại lấy lãi nên Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra, kết luận về số tiền này. Căn cứ vào tài liệu điều tra bổ sung, có đủ căn cứ xác định: Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 3.850.000.000 đồng của bà Q1 thông qua hình thức mua căn hộ chung cư G, Nguyễn Thị Diệu H còn hứa hẹn với bà Q1, rủ bà Q1 chung vốn để mua căn hộ chung cư nhằm bán lại kiếm lời. H hứa hẹn với bà Q1, nếu chung vốn với số tiền 570.000.000 đồng thì sau 05 - 07 ngày sẽ có lãi khoảng 300.000.000 đồng. Tin tưởng H nên bà Q1 đã chuyển cho H 570.000.000 đồng. Cụ thể ngày 21/02/2019, bà Q1 đã chuyển 420.000.000 đồng vào tài khoản số 11610000188xxx của H mở tại Ngân hàng B – Chi nhánh Đ. Cùng ngày, bà Q1 vay của chị Nguyễn Thị Bảo T2 (sinh năm 1990; trú tại đường H, phường N, quận C, Hà Nội) số tiền 100.000.000 đồng; vay của chị Phạm Phương A (sinh năm 1995; là con gái bà Q1) số tiền 50.000.000 đồng và nhờ chị T2 và chị A chuyển vào tài khoản trên của H. Sau khi nhận được 570.000.000 đồng của bà Q1, H không đi mua căn hộ chung cư nào mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết H lừa đảo, bà Q1 đã nhiều lần đòi tiền gốc và lãi thì H thông qua bà P đã trả cho bà Q1 03 lần tổng số tiền là 370.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền H chiếm đoạt của bà Q1 thông qua 02 hình thức mua căn hộ chung cư để ở và mua căn hộ chung cư để bán kiếm lời là 4.050.000.000 đồng.

Quá trình điều tra bổ sung, Nguyễn Thị Diệu H thay đổi lời khai, H thừa nhận về việc có nhận của bà Q1 số tiền 570.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền do bà Q1 chuyển, H đã chuyển lại cho bà P và không có việc cùng bà Q1 lướt sóng mua căn hộ chung cư. Bản thân H không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc đã đưa tiền cho bà P. Tại Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị Minh P khai không biết việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Q1; bà P không rủ bà Q1 và không chung vốn với bà Q1 để mua căn hộ chung cư bán lại kiếm lời; không được hưởng lợi về việc này. Kết quả điều tra không có căn cứ xác định bà P có vai trò đồng phạm với H trong việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Q1 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà P.

*Trách nhiệm dân sự: Bà Đào Thúy Q1 yêu cầu bị can Nguyễn Thị Diệu H phải bồi thường số tiền là 4.050.000.000 đồng và đề nghị xử lý Hương theo pháp luật.

3. Vụ thứ ba: Cuối năm 2018, thông qua các mối quan hệ nên bà Nguyễn Minh T3 (sinh năm 1971; trú tại số nhà H, phố C, phường Đ, quận H, Hà Nội; là chị gái của bà Nguyễn Thị Minh P) nên bà T3 quen biết Nguyễn Thị Diệu H. H giới thiệu với bà T3 tên là Nguyễn Thị Lan H, giữ chức vụ Trưởng phòng Ngân sách - Bộ Tài chính. H có thể đổi được tiền mới không mất phí, bà T3 đã nhờ H đổi tiền mới hộ và H đã có một số đổi được tiền cho bà T3. Do tin H đang làm ở Bộ Tài chính, có nhiều mối quan hệ nên bà T3 đã nhờ H xin chuyển công tác cho ông Phạm Văn C1 (sinh năm 1964; trú tại đường T, phường T, quận H, Hà Nội; là chồng bà T3, đang làm việc tại Trung tâm cai nghiện S, huyện S, Hà Nội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) được về làm việc gần nhà ở quận H, Hà Nội. H nhận lời và hứa với bà T3 sẽ xin cho ông C1 về làm việc tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ phố N, quận H, Hà Nội) mà không mất tiền. H yêu cầu ông C1 chuẩn bị 01 bộ hồ sơ, lý lịch để H làm thủ tục chuyển công tác. Thấy bà T3 tin tưởng, H đưa ra thông tin là H được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp cho một suất ngoại giao là 01 căn hộ chung cư không mất tiền tại quận H, diện tích 100m^2 trị giá khoảng 5.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng; do H đã xin cho ông C1 chuyển về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nên suất chung cư này H cho ông C1, nhưng bà T3 phải nộp số tiền tương đương 10% giá trị căn hộ để H đi cảm ơn và 140.000.000 đồng đóng tiền thuế đất. Những ngày sau đó, H liên tục giục bà T3 nộp tiền ngoại giao và tiền thuế đất. Ngày 25 và 27/12/2018, bà T3 đã đến Phòng giao dịch của Ngân hàng B tại phố H, quận H, Hà Nội nộp 150.000.000 đồng tiền mặt vào số tài khoản 11610000188xxx của H mở tại Ngân hàng B. Ngày 22/01/2019, bà T3 và ông C1 đến Phòng giao dịch ngân hàng B tại phố H nộp 615.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T3 và ông C1 đã chuyển cho H để mua căn chung cư suất ngoại giao là 765.000.000 đồng (gồm 615.000.000 đồng là tiền 10% chi cảm ơn, 140.000.000 đồng tiền thuế đất và 10.000.000 đồng là tiền H vay của bà T3). Sau khi chuyển tiền cho H, bà T3 nhiều lần hỏi H xem căn hộ chung cư thế nào, H bảo bà T3 cứ yên tâm, đang đợi đền bù giải phóng mặt bằng xong thì mới xây dựng được.

Ngày 24/01/2019, H hỏi vay bà T3 500.000.000 đồng trong vài ngày sẽ trả để H đi buôn "lướt" chung cư. Do tin tưởng H nên bà T3 gói 500.000.000 đồng vào túi nilon màu đen bên ngoài có dán giấy ghi: "gửi Lan H Bộ Tài chính" và đưa cho anh Nguyễn Viết T4 (sinh năm 1972; trú tại số nhà A, ngõ A, đường G, thôn N, xã A, huyện H, Hà Nội; là lái xe taxi do H nhờ đến lấy) tại đầu phố C, quận H, Hà Nội. Trưa ngày 25/01/2019, H hỏi vay bà T3 437.000.000 đồng để về quê chúc tết các sếp cũ trong tỉnh. Bà T3 lại gói 437.000.000 đồng vào túi nilon, bên ngoài có dán giấy ghi "gửi L Bộ Tài chính" đưa cho anh T4 tại đầu phố C để mang về đưa cho H. Trưa ngày 29/01/2019, H hỏi vay bà T3 50.000.000 đồng để tiêu Tết và bà T3 lại đưa 50.000.000 đồng tiền mặt cho H thông qua anh T4. Do H còn nợ bà Nguyễn Thị Minh P số tiền mới 100.000.000 đồng chưa đổi, H đã hỏi vay của bà T3 100.000.000 đồng để trả cho chị P và bà T3 đã đưa 100.000.000 đồng tiền mặt cho bà P. Như vậy, tổng số tiền H đã nhận của bà T3 là 1.087.000.000 đồng.

Sau nhiều lần bà T3 đòi tiền nhưng H khất lần không trả. Đến ngày 18/02/2019, H nói với bà T3 là H có suất mua căn hộ chung cư giá rẻ tại dự án G ở phường B,

quận L, Hà Nội và tiền H vay của bà T3, H sẽ chuyển sang đối trừ vào tiền H mua căn chung cư này cho bà T3. Để cho bà T3 tin tưởng, khoảng 14 giờ 53 phút cùng ngày, H gửi tin nhắn qua Zalo cho bà T3 01 file ảnh PHIẾU THU đề ngày 13/01/2019 của đơn vị G phố B có chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1, Tổng giám đốc Công ty cổ phần xây dựng C nội dung bà T3 đã nộp 550.000.000 đồng và 01 file ảnh PHIẾU THU, đề tháng 03 năm 2019 của đơn vị G phố B có chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đ, nội dung bà T3 đã nộp 3.500.000.000 đồng, 01 file ảnh BIÊN BẢN BÀN GIAO CĂN HỘ, đề năm 2019 có chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đ giữa bên bán là Công ty cổ phần xây dựng C và bên mua là bà Nguyễn Minh T3. Khi bà T3 thắc mắc tại sao số tiền ghi trong phiếu thu là 3.500.000.000 đồng lại nhiều hơn số tiền bà T3 đưa cho H vay thì H giải thích là do H mua được căn chung cư với giá rẻ hơn (khoảng 30.000.000 đồng/01m^2) nhưng trong phiếu thu phải ghi đúng với giá thực tế thị trường của căn chung cư (khoảng 60.000.000 đồng/01m^2) nên bà T3 tin tưởng và đồng ý đối trừ số tiền 1.087.000.000 đồng mà H đã vay sang mua căn hộ chung cư giá rẻ này.

Ngày 25/02/2019, tại quán cà phê trên phố N, quận H, Hà Nội, H lại nói với bà T3 và bà Nguyễn Thị Minh P là H có suất mua căn hộ chung cư ưu đãi khác tại dự án G phố B và nói bà T3 góp tiền mua chung nhau, sau 10 ngày sẽ bán "lướt" thu hồi vốn và có lãi thì H sẽ trả cho bà T3 cả vốn và lãi, H nói bà T3 góp 900.000.000 đồng. Cùng ngày, bà T3 đến Phòng giao dịch Ngân hàng B tại phố H nộp 900.000.000 đồng vào tài khoản B số 11610000188xxx của H. Trưa ngày 27/02/2019, H tiếp tục hỏi vay bà T3 170.000.000 đồng để đóng thuế đất căn chung cư mua chung nhau. Bà T3 đã gói tiền bên ngoài dán giấy ghi chữ "gửi Lan H Bộ Tài chính" rồi gửi cho anh T4 lái xe taxi tại đầu phố C. Sau đó, H còn nhiều lần hỏi vay bà T3 số tiền 50.000.000 đồng, 100.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng để sử dụng vào việc riêng. Các lần này bà T3 đều bọc tiền vào giấy và đưa cho anh T4 lái xe taxi mang về đưa cho H.

Do bà T3 nhiều lần hỏi về việc xin chuyển công tác cho ông C1 nên ngày 28/02/2019, H gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo cho bà T3 01 file ảnh Quyết định số 58/QĐT-BTC của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, do Bộ trưởng Đào Ngọc D ký ngày 28/03/2019, về việc chuyển ông Phạm Văn C1 đang công tác tại Trại cai nghiện S về làm nhân viên Cục quản lý lao động nước ngoài, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và nói 01 tháng sau Quyết định mới có hiệu lực. Bà T3 gửi tin nhắn file ảnh này cho ông C1 xem thì ông C1 nói Quyết định này là sai. Ông C1 liên hệ với H thắc mắc về việc Quyết định chuyển công tác là sai thì H nói khi nào ông C1 chuyển công tác về chỗ mới thì sẽ đổi lại Quyết định khác. Để ông C1 tin tưởng, H nói do người đang đảm nhiệm vị trí mà ông C1 định chuyển đến, chậm trễ trong việc chuyển công tác đi nơi khác nên người này cảm ơn ông C1 số tiền là 13.000.000 đồng và H đã chuyển số tiền này cho ông C1 qua tài khoản ngân hàng. Lúc này, ông C1 và bà T3 bắt đầu nghi ngờ H có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bà T3 đã tự thống kê tổng số tiền mà bà T3 đã chuyển H để mua nhà chung cư suất ngoại giao, số tiền H vay của bà T3 và đối trừ sang mua căn hộ chung cư giá rẻ, số tiền bỏ ra

chung nhau mua suất ngoại giao căn hộ chung cư G phố B tổng số là 3.087.000.000 đồng và chụp hình ảnh tờ giấy thống kê gửi cho H thì H trả lời đồng ý. Ngày 11/02/2020, bà T3 đã làm đơn gửi đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội tố giác H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

* Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ của bà T3 01 tập tin nhắn giữa Nguyễn Thị Diệu H và bà T3 trong đó có thể hiện H gửi cho bà T3 Quyết định số 58 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các phiếu thu mua căn hộ chung cư, biên bàn bàn giao căn hộ số 902A chung cư cao cấp G phố B và các tin nhắn chốt nợ tiền của H và bà T3 (hiện lữu giữ trong hồ sơ vụ án).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàn Kiếm đã xác minh tại Công ty xây lắp và Thương mại C; Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với con người và các giấy tờ Nguyễn Thị Diệu H gửi cho bà T3, kết quả:

Tại Công văn số 276/2020/CV-HC ngày 29/4/2020 của Công ty xây lắp và Thương mại C cho biết: Công ty không lập các phiếu thu ghi tháng 3/2019 và biên bản bàn giao căn hộ số 902A năm 2019, các giấy tờ này đều là giả mạo.

Tại Công văn số 2895/BTC-TCCB ngày 13/3/2020 của Bộ Tài chính cho biết Bộ Tài chính không có Công chức có tên Nguyễn Thị Lan H hay Nguyễn Thị Diệu H giữ chức vụ Trưởng phòng Ngân sách.

Tại Công văn số 188/TTr-TEXH ngày 24/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không điều động anh Phạm Văn C1 chuyển công tác từ Trai cai nghiện S về công tác tại Cục Quản lý lao động nước ngoài. Hiện Bộ cũng không có chung cư nào quanh khu vực quận H.

Đối với anh Nguyễn Viết T4, kết quả điều tra xác định anh T4 chỉ là người được H thuê đi nhận tiền của bà T3, không biết H lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh T4.

Tại Cơ quan điều tra, bị can H khai có vay lãi nặng của bà T3 và trả tiền lãi cho bà T3 nhiều lần thông qua anh Nguyễn Văn T5. Tuy nhiên, bà T3 không thừa nhận đã cho H vay lãi. Hiện Cơ quan điều tra chưa triệu tập được anh T5 để lấy lời khai làm rõ nên đã tách phần tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự giữa bà T3 và H để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Theo H khai nhận thì tổng số tiền H nhận của bà T3 là 3.087.000.000 đồng nhưng H chỉ gian dối để chiếm đoạt của bà T3 số tiền 765.000.000.000 đồng, còn lại là tiền H vay của bà T3. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu điều tra, thể hiện khi tiếp cận với bà T3, H đã đưa ra những thông tin gian dối để bà T3 tin tưởng nhờ xin việc, mua nhà chung cư và cho H vay rất nhiều lần nên xác định tổng số tiền H lừa đảo chiếm đoạt của bà T3 là 3.087.000.000 đồng.

* Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Minh T3 yêu cầu bị can Nguyễn Thị Diệu H phải bồi thường số tiền 3.087.000.000 đồng và đề nghị xử lý Hương theo pháp luật.

4. Vụ thứ tư: Tháng 09/2020, thông qua mối quan hệ xã hội, H quen biết ông Trần Hữu T6 (sinh năm 1971; trú tại tòa R, khu đô thị R ở số G, đường N, quận T, Hà Nội) là bác sỹ công tác tại Bệnh viện B1. Tháng 11/2020, H giới thiệu với ông T6 là đang làm ở Bộ Tài chính, có thể đổi được tiền mới các mệnh giá không mất phí. Để mọi người tin tưởng có tiền mới, H vào mạng internet tìm dịch vụ đổi tiền mới và thấy có số điện thoại 0915482133 của chị Đinh Thị Thúy Q2 (sinh năm 1986; trú tại tổ A, phường N, quận L, Hà Nội) làm dịch vụ đổi tiền mới. H liên hệ với chị Q2 và thống nhất cách thức đổi tiền như sau: H chuyển số tiền cần đổi, cộng với phí đổi (04 - 06%/số tiền cần đổi) đến tài khoản số 19024683762xxx của chị Q2 mở tại Ngân hàng T14 và tài khoản 12510001038739 của chị Q2 mở tại Ngân hàng B. Ngoài ra, chị Q2 còn chỉ định H chuyển tiền vào tài khoản số 1903547615xxx của ông Đinh Như D1 (là bố của chị Q2) mở tại Ngân hàng T14. Sau khi đổi được tiền mới, chị Q2 nhờ ông D1 hoặc chị Nguyễn Thị Hồng H10 (sinh năm 1982; trú tại số nhà B, phố H, phường H, quận H, Hà Nội) chuyển lại cho H hoặc chuyển tiền mới trả cho khách của H theo địa chỉ do H chỉ định. Bản thân H sẽ tự tìm khách và mời chào khách đổi tiền. Sau khi tin tưởng H đổi được tiền mới các mệnh giá không mất phí, ông T6 đã nhờ H đổi được 27.000.000 đồng tiền mới. Ngoài đổi tiền cho ông T6, H nói với ông T6 tiếp tục giới thiệu cho những người trong cơ quan có nhu cầu đổi tiền mới thì H giúp. Qua ông T6 giới thiệu, chị Triệu Thanh T7 (sinh năm 1987; trú tại tổ C, phường P, quận B, Hà Nội; là nhân viên làm tại Bệnh viện B1) quen biết H. Khi gặp chị T7, H nói với chị T7 là đang làm ở Bộ Tài chính, có thể đổi được tiền mới mệnh giá nhỏ với số lượng lớn, không mất phí. Do tin tưởng H nên chị T7 đã nhận tiền của mọi người trong Cơ quan để chuyển cho H đổi tiền mới, cụ thể:

Ngày 11/11/2020, chị T7 nhận 12.000.000 đồng của chị Dương Thị H11 (sinh năm 1979; trú tại thôn B, xã D, huyện G, Hà Nội); nhận 5.000.000 đồng của chị Vũ Thị O (sinh năm 1987; trú tại số nhà A, ngõ H, đường T, phường Y, quận H, Hà Nội) đều là đồng nghiệp của chị T7 làm tại Bệnh viện B1 và tiền của cá nhân chị T7 là 155.000.000 đồng để nhờ H đổi tiền mới. Trong ngày, chị T7 đã 02 lần chuyển khoản với tổng số tiền là 126.000.000 đồng từ tài khoản số 104005636xxx của chị T8 mở tại Ngân hàng V1 và 01 lần chuyển 46.000.000 đồng từ tài khoản số 0491000400xxx của chị Triệu Thanh T9 mở tại Ngân hàng V2 vào tài khoản số 9200169996xxx mang tên Nguyễn Thị Lan H mở tại Ngân hàng M1, để đổi tiền mới gồm các mệnh giá 2.000 đồng, 5.000 đồng, 10.000 đồng, 20.000 đồng và 50.000 đồng. Ngày 12/11/2020, chị T7 nhận 15.000.000 đồng của chị Lê Diệu Q3 (sinh năm 1977; trú tại số nhà E, ngõ D, phố N, phường Đ, quận B, Hà Nội) để đổi tiền mới. Ngày 13/11/2020, H nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho chị T7 thông báo hiện đang có sẵn 207.000.000 đồng tiền mới gồm các mệnh giá mà chị T7 đang đổi, H đề nghị chị T7 đổi luôn "cho tròn bó" thì chị T7 đồng ý. Cùng ngày, chị T7 chuyển tiếp 35.000.000 đồng (trong đó 15.000.000 đồng của chị Q3 và 20.000.000 đồng tiền của chị T7) từ tài khoản V2 số 0491000400xxx vào tài khoản MB số 9200169996xxx của H. Sau khi nhận 207.000.000 đồng của chị T7 và để chị T8 tin tưởng tiếp tục chuyển các khoản tiền lớn hơn cho H nên buổi trưa ngày 16/11/2020, H mang 90.000.000 đồng tiền mới gồm các mệnh giá từ 2.000 đồng đến 20.000 đồng trả cho chị T7 tại Bệnh viện B1. Chị T7 hỏi H sao chỉ trả có 90.000.000 đồng thì H nói chưa

lấy đủ tiền mới ở nhà máy in tiền, khi nào lấy đủ tiền mới sẽ trả chị T7 117.000.000 đồng còn lại. Tại đây, H tiếp tục chào mời chị T7 xem cơ quan có ai cần đổi tiền mới nữa thì H sẽ đổi giúp. Sau khi nhận được 90.000.000 đồng tiền mới từ H, chị T7 càng tin tưởng nên tiếp tục nhận tiền từ đồng nghiệp trong cơ quan để đổi tiền mới. Chị T7 đã nhận 400.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim A1 (sinh năm 1980; trú tại thôn T, xã N, huyện T, Hà Nội) cộng thêm 100.000.000 đồng của chị T7 và nhờ chị Nguyễn Thị M (sinh năm 1982; trú tại số nhà A, biệt thự B, bán đảo L, phường H, quận H, Hà Nội) chuyển 01 lần 300.000.000 đồng và 01 lần 200.000.000 đồng từ tài khoản số 00000155xxx của chị M mở tại Ngân hàng T15 vào tài khoản số 9200169996xxx của H mở tại Ngân hàng M1 với nội dung "*E T KCC chuyen tien doi tien moi"*. Đối với số tiền 117.000.000 đồng do H còn nợ, chị T7 bảo H đổi lên thành 140.000.000 đồng cho "tròn bó" thì H đồng ý nên cùng ngày, chị T7 chuyển 23.000.000 đồng từ tài khoản số 104005636xxx của mình vào tài khoản số 9200169996xxx của H. Sau khi nhận 500.000.000 đồng do chị T7 nhờ chị M gửi, H nhắn tin cho chị T7 nói chị T7 đổi thêm cho "tròn bó" là 525.000.000 đồng thì chị T7 đồng ý. Cùng ngày, chị T7 đã chuyển thêm 25.000.000 đồng từ tài khoản số 104005636xxx của mình mở tại Ngân hàng V1 vào tài khoản số 9200169996xxx của H mỏ tại Ngân hàng M1. Cùng ngày 16/11/2020, H đã chuyển 500.000.000 triệu đồng từ tài khoản số 9200169996xxx của H sang tài khoản số 103876309xxx của H và sử dụng vào mục đích cá nhân, không đổi tiền mới cho chị T7. Ngày 17/11/2020, H đến Bệnh viện B1 trả cho chị T7 90.000.000 đồng tiền mới và lại bảo chị T7 xem trong cơ quan có ai cần đổi tiền mới nữa không. Ngày 18/11/2020, chị T7 nhận 150.000.000 đồng của chị Trịnh Thị H12 (sinh năm 1978; trú tại tập thể H, xã V, quận H, Hà Nội; là đồng nghiệp với chị T7 tại Bệnh viện B1) nhờ đổi tiền mới. Cùng ngày, chị T7 đã đưa 150.000.000 đồng cho một người làm nghề lái xe ôm tên "H11" (không xác định được nhân thân) do H nhờ đến lấy. Sau khi nhận tiền của chị T7, H đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân mà không đổi tiền mới cho chị T7. Như vậy, tổng số tiền H nhận của chị T7 là 905.000.000 đồng, H đã trả 180.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của chị T7 số tiền 725.000.000 đồng. Chị T7 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu H trả tiền nhưng H trốn tránh, không trả. Ngày 26/02/2021, chị T7 đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tố giác H về hành vi lừa đảo.

* Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Thị Diệu H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh xám, có Imei số 353916102058xxx. Dữ liệu bên trong có 01 file ảnh "Quyết định số 58/QĐT-BTC ngày 29/05/2018 của Bộ trưởng Đinh Tiến D2", 02 file ảnh "Giấy chứng minh nhân dân số 187233xxx Họ tên NGUYỄN THỊ LAN H; sinh ngày 21/08/1986; nguyên quán phường H, thành phố V, Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: Huyện N, Nghệ An; cấp ngày 25/05/2017 nơi cấp Công an tỉnh Nghệ An"; 01 file ảnh "CĂN CƯỚC CÔNG DÂN số 040186001xxx; Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN H; ngày, tháng, năm sinh: 21/08/1986; Quê quán: phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Tổ C, phường T, Quận T, thành phố Hà Nội; cấp ngày 20/08/2018 nơi cấp Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư"; 01 file ảnh mặt trước "Căn cước công dân số

040186001xxx NGUYỄN THỊ LAN H sinh ngày: 21/08/1986" và 01 file ảnh mặt sau "Căn cước công dân có ngày cấp 20/08/2018".

Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội giám định hình ảnh giấy chứng minh nhân dân trên các mẫu do các Ngân hàng T14, V1, M2 cung cấp với hình ảnh giấy chứng minh nhân dân trong các file lưu trong máy điện thoại của Nguyễn Thị Diệu H. Tại bản Kết luận giám định số 6631/KTHS ngày 05/09/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *"... Hình ảnh giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Lan H do Ngân hàng T14 cung cấp được sao chụp từ file ảnh chứng minh nhân dân trên máy điện thoại của H"*.

Đối với chị Đinh Thị Thúy Q2, ông Đinh Như D1 và chị Nguyễn Thị Hồng H10, kết quả điều tra xác định không biết việc Nguyễn Thị Diệu H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đồng phạm với H. Đối với hành vi đổi tiền mới để hưởng lợi của chị Đinh Thị Thúy Q2 có dấu hiệu vi phạm điểm a (*thực hiện đổi tiền không đúng quy định pháp luật)*, khoản 5 Điều 30 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Cơ quan điều tra sẽ xem xét chuyển hành vi trên của chị Q2 đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

* Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, chị Triệu Thanh T7 đã tự bỏ tiền của mình ra để trả lại cho chị Dương Thị H11, chị Lê Diệu Q3, chị Nguyễn Thị Kim A1, chị Nguyễn Thị M và chị Trịnh Thị H12. Sau khi nhận tiền, những người này không yêu cầu bồi thường dân sự. Hiện chị T7 yêu cầu bị can Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại số tiền 725.000.000 đồng và đề nghị xử lý Hương theo pháp luật.

5. Vụ thứ năm: Khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Thị Diệu H chủ động làm quen với anh Nguyễn Đình N (là Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng S1 chi nhánh K, Phòng giao dịch T, quận C, Hà Nội). H tự giới thiệu với anh N tên là Nguyễn Thị Lan H hiện đang làm việc tại Bộ Tài chính, giữ chức vụ Trưởng phòng Ngân sách có mối quan hệ với cán bộ nhà máy in tiền Quốc gia, có thể đổi được tiền mới với các mệnh giá, số lượng không giới hạn, không mất phí và có quan hệ với người ở Công ty F có thể mua được điện thoại mới giá rẻ (thực tế H mua điện thoại ở các cửa hàng bên ngoài với giá cao rồi bán lại cho anh N với giá rẻ hơn). Để tạo lòng tin với anh N, H đã nhờ chị Đinh Thị Thúy Q2 (sinh năm 1986; trú tại tổ A, phường N, quận L, Hà Nội; là người làm dịch vụ đổi tiền mới) đổi cho một số lượng tiền mới rồi chuyển lại cho anh N. Do tin tưởng H nên anh N đã nhận tiền của nhiều người để đưa cho H nhờ đổi tiền mới. Do số tiền anh N chuyển cho H đổi tiền mới nhiều nhưng H mới trả được ít thì H soạn tin nhắn giả của bên người của nhà máy in tiền rồi nhờ chị Bùi Thị T10 (sinh năm 1980; trú tại số C, M, phường Y, quận C, Hà Nội) gửi cho anh N có, nội dung: *"Chiến Q2 nhận 6,5 tỷ đồng của H để đổi tiền mới nhưng nhà máy in tiền Quốc gia bị trục trặc nên chưa đổi được, hứa ra tết sẽ trả cho anh N"*. Sau nhiều lần anh N đòi tiền và H khất lần không trả. Khoảng ngày 18/02/2022, H nói với anh N là H có nhà đất trong thành phố Hồ Chí Minh đã có người mua và đang cần tiền đóng thuế chuyển quyền sử dụng đất, H nói anh N chuyển tiền cho H đóng thuế, sau khi bán được sẽ có tiền trả cho anh N. Do tin tưởng

H nên anh N đã chuyển cho H 470.000.000 đồng để H nộp tiền thuế chuyển nhượng nhà đất. Sau khi nhận tiền, H đã không thực hiện lời hứa và không trả lại anh N số tiền mới và điện thoại như cam kết.

Tài liệu điều tra xác định từ ngày 07/01/2021 đến ngày 05/4/2021, anh N đã nhận tiền của 61 người (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là 8.330.650.000 đồng và tiền của cá nhân anh N là 524.500.000 đồng, tổng cộng là 8.855.150.000 đồng. Sau khi nhận tiền của mọi người, anh N chuyển luôn cho H hoặc gom tiền của nhiều người vào thành một khoản rồi chuyển cho H để đổi tiền mới và mua điện thoại. Anh N sử dụng tài khoản số 8686226xxx của mình mở tại Ngân hàng S1 - chi nhánh K thực hiện 80 lần chuyển tiền vào tài khoản số 9200169996xxx của H mở tại Ngân hàng M2 và tài khoản số 103876309xxx của H mở tại Ngân hàng V1 với tổng số tiền là 8.685.000.000 đồng. Ngoài ra, H còn yêu cầu anh N 12 lần chuyển tổng số tiền 440.150.000 đồng vào 07 tài khoản Ngân hàng do H chỉ định gồm Ngân hàng M2, tài khoản số 884012178xxx mang tên Vũ Hoàng T11 (sinh năm 1984; trú tại số nhà A, ngõ A, phố M, phường M, quận C, Hà Nội); Ngân hàng T14, số tài khoản 19033910120xxx mang tên Nguyễn Thị H14 (sinh năm 1978; trú tại số nhà C, ngõ B, đường M, quận N, Hà Nội); Ngân hàng T16, số tài khoản 04122034xxx mang tên Đỗ Đình T12 (sinh năm 1991; trú tại số nhà B, ngách D, ngõ H, phố L, phường P, quận N, Hà Nội); Ngân hàng M2, số tài khoản 0730102117xxx đứng tên Nguyễn Thị Q4; Ngân hàng V2, tài khoản số 0451000217xxx đứng tên Ngô Xuân H15. H nói với anh N là chuyển tiền vào 07 tài khoản này để đổi tiền mới và mua điện thoại, nhưng thực tế là H sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngoài chuyển tiền qua tài khoản, anh N còn một lần nhờ anh Nguyễn Chí C2 (sinh năm 1986; trú tại thôn Đ, xã A, huyện H, Hà Nội) đưa 200.000.000 đồng cho H. Tổng số tiền anh N đã chuyển cho H để đổi tiền mới, mua điện thoại, nộp thuế chuyển nhượng nhà đất là 9.325.150.000 đồng. H đã đổi tiền mới và mua điện thoại trả cho anh N là 3.839.850.000 đồng, còn chiếm đoạt của anh N 5.485.300.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, H khai trong tổng số tiền do anh N chuyển cho H, gồm: Số tiền anh N nhờ đổi tiền mới thì H đã đổi và trả hết cho anh N; còn lại là tiền anh N cho H dùng vào mục đích cá nhân như: Thuê nhà, mua sắm điện thoại, đi du lịch. Tuy nhiên, anh N khai toàn bộ số tiền anh N chuyển cho H đều là tiền anh N nhờ H đổi tiền mới, mua điện thoại và nộp thuế chuyển nhượng nhà đất. Cơ quan điều tra đã cho H và anh N đối chất nhưng cả hai đều giữ nguyên nội dung đã khai. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định H có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài tiền của anh Nhân t ban đầu nên xác định số tiền H đã chiếm đoạt của anh N là 9.325.150.000 đồng, trừ đi số tiền 3.839.850.000 đồng do H đã mua điện thoại và đổi tiền mới trả cho anh N, thì số tiền còn chiếm đoạt là 5.485.300.000 đồng.

Đối với chị Bùi Thị T10 (sinh năm 1980; trú tại số nhà C, phố M, phường Y, quận C, Hà Nội) có hành vi đóng giả người tên "Chiến Quỳnh" và gặp anh N, nói dối là người của nhà máy in tiền cho anh N tin tưởng. Kết quả điều tra xác định khi nhờ chị T10 đi gặp anh N thì H đã chiếm đoạt được tiền của anh N. Mặt khác, chị T10 không biết mục đích của H và khi chiếm đoạt được tiền của anh N, H cũng

không cho chị T10. Vì vậy, hành vi của chị T10 không đồng phạm với H trong vụ án nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Hoàng T11, chị Nguyễn Thị H14, anh Đỗ Đình T12, chị Nguyễn Thị Q4 và anh Ngô Xuân H15 là chủ các số tài khoản mà H bảo anh N chuyển tiền đến. Kết quả điều tra xác định H mua hàng và trả tiền cho những người trên nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Sau khi H không đổi được tiền mới và không mua được điện thoại cho anh Nguyễn Đình N, anh N đã tự bỏ tiền ra trả lại cho nhiều người. Hiện còn 27 người có yêu cầu anh N bồi thường tổng số tiền là 3.480.900.000 đồng, 18 người không yêu cầu bồi thường (có danh sách kèm theo). Còn lại 16 người chưa lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến những người này nếu có yêu cầu sẽ xử lý sau.

* Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình N yêu cầu bị can Nguyễn Thị Diệu H trả lại số tiền 5.485.300.000 đồng đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý Hương theo pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 627/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Diệu H phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm a, b Khoản 3 Điều 341; Điều 55; Điều 56; điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Diệu H 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 24 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bản án số 80/HSST ngày 17/09/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị Diệu H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/06/2021. Được trừ thời gian tạm giữ của bản án ngày 17/09/2017: từ ngày 25/04/2012 đến ngày 04/05/2012 và thời gian tạm giam từ ngày 20/08/2012 đến ngày 07/01/2013.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Buộc Nguyễn Thị Diệu H phải bồi thường cho bà Đào Thúy Q1 số tiền 4.050.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Đình N số tiền 5.483.300.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Đình N phải hoàn trả cho 28 người có quyền và nghĩa vụ liên quan số tiền đã nhận.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại khác, lãi suất và trách nhiệm thi hành án theo quy định; xử lý vật

chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2024, người bị hại là bà Đào Thúy Q1 và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C kháng cáo, đề nghị xem xét về hành vi đồng phạm và trách nhiệm dân sự của Nguyễn Thị Minh P (được xác định là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

Ngày 01/02/2024, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình N kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại là anh Nguyễn Đình N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo; bà Đào Thúy Q1 và ông Phạm Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Nguyễn Thị Minh P với vai trò đồng phạm cùng với Nguyễn Thị Diệu H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà, đồng thời xem xét buộc bà P phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông bà 3.850.000.000 đồng trong tổng số tiền bị chiếm đoạt.

Người đại diện theo uỷ quyền và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại cho rằng thông qua lời khai của bà Nguyễn Thị Minh P trong quá trình điều tra vụ án (thể hiện tại các bút lục đã được trích dẫn cụ thể trong bản luận cứ gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm) thì giữa bà P và bị cáo H đã có mối quan hệ từ lâu, có quan hệ vay tiền với nhau; thông qua bà P thì bà Q1 mới biết bị cáo H và bà P là người giới thiệu bị cáo với bà Q1 để giao dịch mua bán chung cư; mục đích của bà P là để bà Q1 chuyển tiền thì bà P sẽ trừ nợ đối với bị cáo vì bị cáo đang nợ tiền của bà P, nên bà P và bị cáo đã giả vờ đóng kịch với nhau để bẫy vợ chồng bà Q1 chuyển tiền cho bị cáo; trong suốt quá trình giao dịch mua bán nhà chung cư bà P luôn chủ động có mặt và thúc giục bà Q1 chuyển tiền.... Ngoài ra, sau khi không giao được nhà theo thỏa thuận thì bà P cùng với bị cáo đã cùng gặp vợ chồng bà Q1 để thống nhất khoản nợ (có 01 file (tệp tin) âm thanh và 21 file video đã được giám định) đồng thời có xác nhận của gia đình bà P về việc bị cáo và bà P đã bàn bạc thống nhất quy hết trách nhiệm cho bị cáo H, điều đó chứng tỏ bà P là kẻ chủ mưu dàn dựng mọi thủ đoạn để cùng với bị cáo H chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Q1. Quá trình điều tra, đại diện của người bị hại đã trích dẫn đầy đủ các nội dung có liên quan tại các bút lục có trong hồ sơ vụ án, cũng như cung cấp đầy đủ các chứng cứ để chứng minh cho hành vi đồng phạm của bà P trong vụ án này, đồng thời đề nghị tách hành vi lừa đảo đối với vợ chồng bà Q1 để giải quyết vụ án bằng một vụ án khác nhằm làm rõ trách nhiệm của bà P, nhưng không được các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các lý lẽ của đại diện người bị hại và Luật sư để xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng bà Q1, trả hồ sơ vụ án để điều tra làm rõ trách nhiệm về hình sự, dân sự của bà Nguyễn Thị Minh P.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, kết luận: bị cáo Nguyễn Thị Diệu H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm

a Khoản 4 Điều 174; điểm a, b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc bà Đào Thúy Q1 và người đại diện cũng như Luật sư cho rằng bà Nguyễn Thị Minh P là đồng phạm cùng với bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo là không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đào Thúy Q1 và ông Phạm Văn C, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Đức N1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, những lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của những người có liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Năm 2017, Nguyễn Thị Diệu H đã bị Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do nuôi con nhỏ nên H được hoãn thi hành án. Sau đó, H ra Hà Nội lấy tên giả là Nguyễn Thị Lan H, tự giới thiệu mình là Trưởng phòng ngân sách - Vụ Quản lý ngân sách Nhà nước - Bộ Tài chính có quan hệ và quen biết nhiều có thể xin được dự án; mua được căn hộ chung cư với giá rẻ, có quan hệ với nhà máy in tiền để đổi tiền mới các mệnh giá khác nhau, số lượng lớn, không mất phí và mua được điện thoại giá rẻ. Bằng thủ đoạn trên, từ ngày tháng 05/2018 đến tháng 01/2021, H đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của 05 bị hại tổng số tiền là 14.447.300.000 đồng, trong đó, với hành vi cụ thể tại lần thứ hai, bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng bà Đào Thúy Q1 số tiền 4.050.000.000 đồng.

Để thực hiện việc chiếm đoạt tiền của các bị hại, H đã thuê người làm giả 12 tài liệu giả, gồm 05 phiếu thu, 02 biên bản giao nhà của Công ty cổ phần Đ, 02 Quyết định của Bộ Tài chính, 01 Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và làm giả 02 Chứng minh nhân dân để mở tài khoản tại các ngân hàng.

[3.2] Nguyễn Thị Diệu H là bị án đang được hoãn thi hành án, nhưng lại tự giới thiệu mình là Trưởng phòng Phòng ngân sách Vụ quản lý ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính, có thể xin được dự án, mua được căn hộ chung cư giá rẻ, đổi tiền mới với các mệnh giá, số lượng lớn, mua được điện thoại giá rẻ và thuê người làm giả nhiều tài liệu của các cơ quan tổ chức khác là những thủ đoạn gian dối nhằm làm cho người

khác tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của họ với tổng số tiền là 14.447.300.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Nguyễn Thị Diệu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a Khoản 4 Điều 174 và điểm a, b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên; nhân thân bị cáo có 01 tiền án về tội đặc biệt nghiêm trọng chưa được xóa án tích; tái phạm nguy hiểm là những tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn; đã bồi thường cho người bị hại Cao Đăng H4, gia đình bị cáo có công với cách mạng, có ông nội bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến, kỷ niệm chương, nhiều bằng khen, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Đồng thời, tổng hợp hình phạt 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bản án mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử đối với bị cáo để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Diệu H là không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nên không cần phải xem xét lại.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

[4.1] Về nội dung kháng cáo có liên quan đến bà Nguyễn Thị Minh P:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì Toà án cấp sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để làm rõ trách nhiệm hình sự đối với bà Nguyễn Thị Minh P, trong đó có những lần trả hồ sơ khi bà Đào Thúy Q1 xuất trình các tài liệu mới. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã kết luận không có căn cứ khởi tố Nguyễn Thị Minh P với vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Diệu H và các tài liệu chứng cứ do bà Q1 cung cấp đều diễn ra sau khi Nguyễn Thị Diệu H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Q1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về việc bà Q1 có quyền cung cấp các tài liệu, chứng cứ và đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ trách nhiệm hình sự của bà P, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở để xem xét về nội dung kháng cáo đề nghị xem xét vai trò đồng phạm của bà Nguyễn Thị Minh P trong vụ án này.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đã được nhận định ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Nguyễn Thị Diệu H đã chiếm đoạt của bà Đào Thúy Q1 số tiền 4.050.000.000 đồng nên đã buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đào Thúy Q1 toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và không xác định trách nhiệm của bà Nguyễn Thị Minh P trong việc bồi thường cho bà Q1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Đối với kháng cáo xin miễn án phí của anh Nguyễn Đình N: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nên cần đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với ông Phạm Văn C, là người có quyền nghĩa vụ liên quan nhưng có kháng cáo về phần dân sự liên quan đến bà Đào Thúy Q1, là nội dung của bản án không liên quan đến ông C. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự thì ông C không có quyền kháng cáo đối với nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy ông Nguyễn Đình N đã tự nguyên rút kháng cáo và nội dung kháng cáo còn lại của người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của anh N và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Do anh Nguyễn Đình N rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm và nội dung kháng cáo của bà Đào Thúy Q1, ông Phạm Văn C về phần dân sự không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Đình N.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thúy Q1, ông Phạm Văn C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 627/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, về phần hình phạt và phần trách nhiệm dân sự liên quan đến người bị hại là bà Đào Thúy Q1.

2.1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm a, b Khoản 3 Điều 341; Điều 55; Điều 56; điểm b, g, h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Diệu H 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 24 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 80/HSST ngày 17/09/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc Nguyễn Thị Diệu H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/06/2021. Được trừ thời gian tạm giữ của Bản án số 80/HSST ngày 17/09/2017 là từ ngày 25/04/2012 đến ngày 04/05/2012 và thời gian tạm giam từ ngày 20/08/2012 đến ngày 07/01/2013.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc Nguyễn Thị Diệu H phải bồi thường cho bà Đào Thúy Q1 số tiền 4.050.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Đào Thúy Q1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Đình N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0023048 ngày 20/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 - Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

Võ Hồng Sơn **Trần Quang Minh**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng